TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày: 04 – 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tuấn Khanh – Cán bộ hưu trí

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Phó Trưởng Phòng giáo dục và đào tạo huyện Bình Đại

- *Thư ký phiên Tòa:* Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*: Ông Huỳnh Vĩnh Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2024/TLST- HS ngày 05 tháng 06 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. LÊ VĂN D, sinh ngày: 03/02/1987 tại tỉnh B.

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện L, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Đ; Vợ: Trịnh Thị T, sinh năm: 1994. Con có 01 người con sinh năm 2017.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Ngày 22/10/2004 bị Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Trốn khỏi nơi giam giữ" theo Bản án số 17/HSST.

+ Ngày 20/7/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 17/2006/HSST.

(Đều đã được xóa án tích)

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/01/2024 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN VĂN H, sinh ngày: 09/9/2002 tại tỉnh S.

Nơi cư trú: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh S.

Nghề nghiệp: Làm Thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn Q và bà Mai Kim H. Bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/01/2024 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. TRẦN THANH T, sinh ngày: 26/12/2005 tại tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: Ấp Bình Huề 2, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

Nghề nghiệp: Làm Thuê; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Thanh T và bà Huỳnh Thị P. Bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền án: Không

- Tiền sự: Có 02 tiền sự.

+ Ngày 24/7/2023, bị Công an xã Thạnh Trị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 09/QĐ-XPHC về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" với số tiền phạt 750.000 đồng. Bị cáo nhận quyết định xử phạt ngày 29/7/2023 và chưa nộp phạt.

+ Ngày 05/10/2023, bị Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 4328/QĐ- XPHC về hành vi "Tàng trữ vũ khí thô sơ" với số tiền 2.000.000 đồng. Bị cáo nhận quyết định xử phạt ngày 06/10/2023 và chưa nộp phạt.

- Nhân thân:

+ Ngày 28/12/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định 68/QĐ-TA, thời hạn 06 tháng.

Bị cáo T hiện đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bến Tre đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh T:* Ông Hồ Tấn P– Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- *Bị hại:*

Lê Văn Q, sinh ngày 19/02/2007 (Có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn B, huyện Đ, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Phạm Thị Kim T, sinh năm 1990 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Trần Nhật Long H – Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thị Tuyết P, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn B, huyện Đ, tỉnh T.

2. Hồ Thanh N, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 4 Cây Trôm, xã B, huyện Đ, tỉnh T.

- *Người làm chứng:*

1. Lê Văn P, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn B, huyện Đ, tỉnh T.

2. Lưu Đình T, sinh năm 2001 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn B, huyện Đ, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 11/11/2023, trong lúc đang làm trên ghe ngoài biển, Lê Văn D, sinh năm 1987, mượn điện thoại của Lê Văn P (bạn đi ghe chung), để gọi Zalo cho Nguyễn Văn H, sinh năm 2002, nói chuyện và kể H nghe về mâu thuẫn giữa D và Lê Văn Q, sinh ngày 19/2/2007 khi làm chung trên ghe, D có nói H bụp Q dùm khi ghe vô. Sau đó, D chụp hình Q và gửi Zalo cho H xem. Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 12/11/2023, trong lúc ngồi uống nước tại quán cà phê An Thanh thuộc xã Bình Thới, H rủ Trần Thanh T, sinh ngày 26/12/2005 đi công chuyện cùng H, T đồng ý. Sau đó H, T cùng về nhà anh Lưu Đình T, tại khu phố 2, thị trấn Bình Đại, nơi H ở trọ, để chơi. Khoảng 13 giờ, D gọi H kêu lên bến ghe để rước D. Lúc này, H đi vào phòng ngủ của H lấy 01 con dao bằng kim loại màu trắng dài 43cm, cán bằng nhựa màu đen dài 12,5cm, lưỡi dao dài 30,5cm giấu trước bụng. Sau đó, H, T, T, mỗi người điều khiển 01 xe mô tô, đến bến ghe để rước D và (P gọi nhờ T rước). Khoảng 14 giờ 30 phút, tại bến ghe thuộc ấp Bình Trung, xã Đ, Diện chỉ Q cho H biết, H nói cho D biết H có đem theo đồ (là con dao). Sau đó, H kêu T ra phía sau nhà quản lý, đưa dao cho T, lúc này T biết đi công chuyện là đi chém nhau, T kêu H nhét dao sau lưng T. Sau đó, T chở P, H chở T, D điều khiển xe 01 mình, ra về. Khi đến gần quán nước của chị Trương Thị Bé T, thuộc ấp B thì H kêu D đưa xe cho P chạy, T, P điều khiển mỗi người một xe về trước. H, D, T, dừng tại quán nước đợi Q. Một lúc sau D thấy chị Phạm Thị Kim T (mẹ ruột Q) điều khiển xe mô tô chở Q chạy ngang qua, D chỉ tay và nói với H "nó ra rồi kìa". Lúc này H hỏi D đi không, D nói không đi. D ngồi đợi tại quán nước, H chở T chạy đuổi theo xe chị T, khi đến ngã ba nơi giao nhau giữa đường ĐH07 và ĐX03, thuộc ấp B, H chạy vượt lên bên trái, áp sát xe chị T đang điều khiển, T ngồi sau xe, cầm dao trên tay phải chém 01 nhát trúng vào tay trái Q, làm xe chị T bị ngã xuống lề lộ, H tiếp tục kêu T "chém nó cốt", T xuống xe và tiếp tục đến chém vào nón bảo hiểm Q 01 nhát, mũi dao trượt xuống vai phải Q, sau đó chém tiếp 01 nhát vào nón bảo hiểm, Q đưa tay trái lên đỡ, gây thương tích. Sau đó, H chở T quay lại quán nước nói với D chém xong rồi, kêu D lên xe về, nhưng D sợ nên kêu H,T về trước. Đến 15 giờ 20 phút, chị T đến trình báo Công an xã Định Trung về vụ việc gây thương tích.

Vật chứng thu giữ:

- 01 nón bảo hiểm màu trắng lưỡi trai màu đen, trên nón có chữ "nón sơn", có một vết sướt.

- 01 con dao bằng kim loại màu trắng dài 43cm; cán bằng nhựa màu đen dài 12,5cm; lưỡi dao dài 30,5cm, trên dao có ghi chữ COLDSTEEL, có một cạnh sắc bén, một cạnh không sắc bén, nơi rộng nhất lưỡi dao 4,9cm, có mũi nhọn.

- 01 xe môtô biển số 71C1-649.43; nhãn hiệu YAMAHA; loại xe hai bánh từ 50-175cm; màu sơn đen bạc; số loại EXCITER; số máy 55P1254600; số khung RLCE55P10DY254578; dung tích xi lanh 134 cm không gương chiếu hậu bên trái và bên phải xe, đã cũ, đã qua sử dụng.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 420/23/KLTTCT- TTPYBT ngày 15/12/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre xác định các kết quả chính: sẹo 1/3 trên mặt sau cẳng tay trái kích thước lớn, gãy 1/3 trên xương trụ trái, tỷ lệ phần trăm thương tích của Lê Văn Q là 13%, thương tích của Quý là do vật sắc gây ra.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, đại diện hợp pháp của bị hại Quý là Phạm Thị Kim T (Mẹ ruột Q) yêu cầu các bị can bồi thường các chi phí gồm: Chí phí điều trị 20.637.000 đồng, ngày công lao động 73.960.000 đồng, chi phí thuê xe 6.000.000 đồng. Tổng cộng: 100.597.000 đồng. Các bị can Trần Thanh T, Nguyễn Văn H, Lê Văn D đều đồng ý theo yêu cầu bồi thường của bị hại và đã bồi thường được 30.000.000 đồng (T 5.000.000 đồng, H 14.000.000 đồng, D 11.000.000 đồng). Còn lại 70.597.000 đồng, các bị can và đại diện hợp pháp của bị hại thống nhất: D sẽ bồi thường 30.000.000 đồng, H sẽ bồi thường 35.597.000 đồng, T sẽ bồi thường 5.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Văn H, Trần Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai người bị hại, tang vật thu giữ, kết quả khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKSBĐ ngày 05/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Văn H, Trần Thanh T về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a và i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Văn H, Trần Thanh T và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội các bị cáo như sau:

- Về tội danh và hình phạt chính:

Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a và i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn D mức án từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù về tội *"Cố ý gây thương tích"*. Thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2024.

Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a và i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức án từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù về tội *"Cố ý gây thương tích"*. Thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2024.

Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a và i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58, 90, 91, 98, 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt

bị cáo Trần Thanh T mức án từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù về tội *"Cố ý gây thương tích"*. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu và tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm màu trắng lưỡi trai màu đen, trên nón có chữ "nón sơn", có một vết sướt; 01 con dao bằng kim loại màu trắng dài 43cm; cán bằng nhựa màu đen dài 12,5cm; lưỡi dao dài 30,5cm, trên dao có ghi chữ COLDSTEEL, có một cạnh sắc bén, một cạnh không sắc bén, nơi rộng nhất lưỡi dao 4,9cm, có mũi nhọn.

+ Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 xe môtô biển số 71C1-649.43; nhãn hiệu YAMAHA; loại xe hai bánh từ 50-175cm; màu sơn đen bạc; số loại EXCITER; số máy 55P1254600; số khung RLCE55P10DY254578; dung tích xi lanh 134 cm không gương chiếu hậu bên trái và bên phải xe, đã cũ, đã qua sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện trên cơ sở đồng ý của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại với các bị cáo, phù hợp quy định của pháp luật về số tiền bồi thường thiệt hại còn lại. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 587, 590 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Lê Văn D bồi thường cho bị hại 30.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường cho bị hại 35.597.000 đồng, bị cáo Trần Thanh T bồi thường cho bị hại 5.000.000 đồng.

Đối với Lê Văn P có cho Lê Văn D mượn điện thoại nhưng P hoàn toàn không biết việc D nhờ H gây thương tích cho Q, nên không xem xét xử lý đối với P là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Văn H, Trần Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại đã truy tố, vật chứng đã thu thập. Các bị cáo đồng ý với kết luận giám định, các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh T là ông Hồ Tấn P – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre trình bày lời bào chữa: Đồng ý nội dung bản Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng và mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lúc phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức có phần hạn chế; gia đình bị cáo đã bồi thường 01 phần thiệt hại cho bị hại, phần còn lại đồng ý tiếp tục bồi thường. Ngoài ra, tại phiên Tòa sơ thẩm phía bị hại có xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T hưởng mức án phù hợp.

- Các bị cáo không tranh luận với bị hại, bị cáo T thống nhất với phần bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý.

- Bị hại Lê Văn Q và người đại diện hợp pháp trình bày: Sự việc các bị cáo gây thương tích cho anh Q đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Tổng số tiền yêu cầu các bị cáo bồi thường là 100.597.000 đồng (Gồm chí phí điều trị 20.637.000 đồng, ngày công lao động 73.960.000 động, chi phí thuê xe 6.000.000 đồng). Các bị cáo đã

bồi thường được 30.000.000 đồng (T 5.000.000 đồng, H 14.000.000 đồng, D 11.000.000 đồng). Còn lại 70.597.000 đồng, bị hại và các bị cáo đã thống nhất: D bồi thường 30.000.000 đồng, H bồi thường 35.597.000 đồng và T bồi thường 5.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại, Luật sư Trần Nhật Long H– Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre vắng mặt và có bài phát biểu gửi cho Tòa án trình bày quan điểm bảo vệ như sau:*

+ **Về trách nhiệm hình sự:** Giữa bị cáo D và bị hại Q chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong lúc đi ghe biển chung nhưng D nung nấu ý chí đánh trả thù nên đã điện thoại cho H nhờ H đánh Q sau khi đi ghe về. Đồng thời gởi hình, chỉ mặt Q cho H nhận diện và rượt đánh. Bản thân D biết H đem theo dao nhưng không ngăn cản và ngầm đồng ý cho H sử dụng chém Q. H rủ T, chở T và kêu T lấy dao trực tiếp chém Q. Khi Q té, H còn kêu T "chém nó cốt" nên T tiếp tục chém. Qua các hành vi trên cho thấy bản chất côn đồ, hung hăng của các bị cáo, có tính chất băng nhóm và đã có chủ ý chuẩn bị hành vi phạm tội từ trước. Mặc dù H và T còn nhỏ tuổi nhưng vẫn lái xe rượt theo để chém bị hại. Bị hại đã té ngã nhưng vẫn không buông tha mà tiếp tục chém. Trong đó D là chủ mưu cầm đầu, T tích cực thực hiện hành vi phạm tội, cả hai có nhân thân xấu từng bị pháp luật xử lý nhưng vẫn không sửa đổi. Còn H giúp sức đưa dao, chở T rượt chém và xúi giục, kích xúi T chém Q. Do đó, cần áp dụng mức án phạt tù thật nghiêm khắc đối với các bị cáo để trừng trị hành vi phạm tội của các bị cáo, đồng thời nêu gương và có tác dụng răn đe các đối tượng có ý định manh nha phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức án cao nhất mà Viện kiểm sát đề nghị để xử phạt từng bị cáo.

+ **Về trách nhiệm dân sự**: Về phía bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền: 100.597.000 đồng. Do đã nhận 30.000.000 đồng nên đề nghị HĐXX buộc các bị cáo bồi thường số tiền còn lại theo yêu cầu của phía bị hại.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* Nguyễn Thị Tuyết P vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra trình bày: Số tiền mà chị đã bỏ ra để bồi thường cho bị hại 25.000.000 đồng là số tiền của H và D trước đó đi làm thuê còn lại nên chị không có yêu cầu gì về số tiền này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* Hồ Thanh N vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra trình bày: Xe mô tô biển số 71C1-649.43 anh đã bán cho Nguyễn Văn H nên anh không có ý kiến gì về chiếc xe này.

- Các bị cáo nói lời sau cùng:

+ Bị cáo H không tranh luận.

+ Bị cáo D: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

+ Bị cáo T: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về với gia đình đi làm trả tiền cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Bình Đại, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tuyết P, anh Hồ Thanh N vắng mặt nhưng không có yêu cầu gì trong vụ án; luật sư bảo vệ cho bị hại có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 29/6/2024, những người làm chứng vắng mặt nhưng đều đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng ở Cơ quan điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Văn H, Trần Thanh T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhặt, bị cáo Lê Văn D nhờ bị cáo Nguyễn Văn H gây thương tích cho anh Lê Văn Q, được bị cáo H đồng ý, bị cáo H rủ bị cáo Trần Thanh T cùng đi chung. Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 12/11/2023, bị cáo H chở bị cáo T chạy theo sau xe anh Q, khi đến ngã ba nơi giao nhau giữa đường ĐH07 và ĐX03, thuộc ấp B, xã Đ, huyện B, bị cáo T sử dụng 01 con dao dài 43cm, cán bằng nhựa màu đen dài 12,5cm, lưỡi dao dài 30,5cm, là hung khí nguy hiểm, chém 02 nhát trúng vào cánh tay trái, 02 nhát vào nón bảo hiểm của anh Q gây thương tích, với tỷ lệ thương tích 13%. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại đã truy tố các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Văn H, Trần Thanh T về tội: "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a và i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm chém bị hại gây thương tích 13% trong xuất phát từ những mâu thuẫn nhỏ nhặt là hành vi hết sức nguy hiểm, đã xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của người khác, làm cho bị hại hạn chế khả năng lao động hiện tại và sau này, sức khỏe bị tổn hại, ảnh hưởng đến sinh hoạt hằng ngày. Tính mạng, sức khỏe là khách thể được pháp luật bảo vệ nghiêm ngặt nếu ai xâm phạm sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Khi phạm tội bị cáo D, H là người đã thành niên, bị cáo T là người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là trái đạo đức, trái quy định pháp luật và sẽ bị pháp luật nghiêm trị nhưng xuất phát từ tính hung hăng, thích giải quyết mâu thuẫn cá nhân bằng vũ lực, xem thường tính mạng,

sức khỏe của người khác, xem thường pháp luật nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi gây thương tích cho người khác của các bị cáo không những xâm phạm đến sức khỏe của con người luôn được xã hội quan tâm và pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trị an xã hội ở địa phương.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo với nhau, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể của từng người. Bị cáo D có vai trò là người chủ mưu, bị cáo T có vai trò thực hành, bị cáo H là người xúi giục, giúp sức cho bị cáo T trong thực hiện tội phạm.

[5] Về nhân thân của các bị cáo:

- Bị cáo Nguyễn Văn H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- Bị cáo Lê Văn D có nhân thân xấu. Năm 2004 bị Tòa án nhân dân H, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và Trốn khỏi nơi giam giữ", Năm 2006 bị Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Bị cáo Trần Thanh T có nhân thân xấu, có 02 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ vũ khí thô sơ, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Lê Văn D, Trần Thanh T: Không có.

- Bị cáo Nguyễn Văn H: Có 01 tình tiết quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là "Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội".

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: 03 bị cáo có chung 02 tình tiết giảm nhẹ được hưởng là " *Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" và "*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*" quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, 03 bị cáo còn có 01 tình tiết giảm nhẹ khác được hưởng là: Người bị hại là anh Q và người đại diện hợp pháp của bị hại anh Q là chị T tại phiên Tòa sơ thẩm xin giảm nhẹ hình phạt cho 03 bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra, xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống. Mặc khác còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Đối với bị cáo Trần Thanh T khi thực hiện hành vi phạm tội là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên hình phạt tù của bị cáo được áp dụng theo Điều 90, 91, 98, 101 Bộ luật hình sự để xem xét.

[9] Lời phát biểu luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên Tòa sơ thẩm về tội danh đối với các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo, xử lý vật chứng và trách nhiệm bồi thường dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo T phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng bài phát biểu của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại chỉ được chấp nhận 01 phần, không chấp nhận đề nghị xử phạt các bị cáo theo mức án cao nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền bị hại Q yêu cầu bồi thường là 100.597.000 đồng (Gồm chí phí điều trị 20.637.000 đồng, ngày công lao động 73.960.000 động, chi phí thuê xe 6.000.000 đồng). 03 bị cáo đã bồi thường 30.000.000 đồng (T 5.000.000 đồng, H 14.000.000 đồng, D 11.000.000 đồng). Số tiền còn lại 70.597.000 đồng, 03 bị cáo với bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại trước khi mở phiên Tòa án xét xử ở giai đoạn điều tra đã thống nhất: D sẽ bồi thường 30.000.000 đồng, H sẽ bồi thường 35.597.000 đồng, T sẽ bồi thường 5.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa 03 bị cáo với bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[12] Về xử lý vật chứng:

- 01 nón bảo hiểm màu trắng lưỡi trai màu đen, trên nón có chữ "nón sơn", có một vết sướt.

- 01 con dao bằng kim loại màu trắng dài 43cm; cán bằng nhựa màu đen dài 12,5cm; lưỡi dao dài 30,5cm, trên dao có ghi chữ COLDSTEEL, có một cạnh sắc bén, một cạnh không sắc bén, nơi rộng nhất lưỡi dao 4,9cm, có mũi nhọn.

Đây là tài sản của bị hại Q không có yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng và là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội gây thương tích cho bị hại nên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 xe môtô biển số 71C1-649.43; nhãn hiệu YAMAHA; loại xe hai bánh từ 50-175cm; màu sơn đen bạc; số loại EXCITER; số máy 55P1254600; số khung RLCE55P10DY254578; dung tích xi lanh 134 cm không gương chiếu hậu bên trái và bên phải xe, đã cũ, đã qua sử dụng.

Đây là tài sản của bị cáo H dùng làm phương tiện điều khiển trực tiếp để phạm tội nên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[13] Các vấn đề khác: Đối với Lê Văn P có cho bị cáo Lê Văn D mượn điện thoại nhưng P hoàn toàn không biết việc bị cáo D nhờ bị cáo H gây thương tích cho anh Q, nên không xem xét xử lý đối với P là phù hợp với quy định của pháp luật.

[14] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Riêng án phí dân sự sơ thẩm, trước khi mở phiên tòa, các bị cáo, bị hại đã thỏa thuận được với nhau về bồi thường thiệt hại và đề nghị Tòa án ghi nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Văn H, Trần Thanh T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a và i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Lê Văn D 03 (Ba) năm tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/01/2024.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a và i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H 03 (Ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/01/2024.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a và i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58; Điều 90, 91, 98, 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Thanh T 01 (Một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm màu trắng lưỡi trai màu đen, trên nón có chữ "nón sơn", có một vết sướt; 01 con dao bằng kim loại màu trắng dài 43cm; cán bằng nhựa màu đen dài 12,5cm; lưỡi dao dài 30,5cm, trên dao có ghi chữ COLDSTEEL, có một cạnh sắc bén, một cạnh không sắc bén, nơi rộng nhất lưỡi dao 4,9cm, có mũi nhọn.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 xe môtô biển số 71C1-649.43; nhãn hiệu YAMAHA; loại xe hai bánh từ 50-175cm; màu sơn đen bạc; số loại EXCITER; số máy 55P1254600; số khung RLCE55P10DY254578; dung tích xi lanh 134 cm không gương chiếu hậu bên trái và bên phải xe, đã cũ, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 10/6/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại; hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại đang quản lý).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các điều 357, 468, 584, 585, 586, 587 và 590 Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của các bị cáo với bị hại. Cụ thể:

- Buộc bị cáo Lê Văn D bồi thường cho bị hại Lê Văn Q 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường cho bị hại Lê Văn Q 35.597.000 đồng (Ba mươi lăm triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Trần Thanh T bồi thường cho bị hại Lê Văn Q 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Văn H, Trần Thanh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Về thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Đại (3b)
- VKSND huyện Bình Đại (1b);
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại (3b);
- Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Đại (3b);
- Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp bị hại (5b);
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại (1b);
- Người bào chữa cho bị cáo T (1b);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (2b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (3b);
- Tòa hình sự (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án và văn phòng (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương